TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Công Hạnh;
2. Bà Mai Thị Ngọc Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1981;
Địa chỉ: khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Mai Phụng T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: chị và anh Mai Phụng T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 08/8/2008. Năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần ngoại tình với người phụ nữ khác. Năm 2019, chị gửi đơn xin ly hôn nhưng do anh T năn nỉ, nên chị rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2022, chị phát hiện anh T tiếp tục có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên kình cãi. Chị có lưu chứng cứ

ngoại tình của anh T trong điện thoại nhưng bị anh T đập điện thoại nên không còn chứng cứ để nộp cho Toà án. Kể từ thời gian đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Mai Thiên S, sinh ngày 27/3/2009. Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Phụng T trình bày được tóm tắt như sau:*

Anh Mai Phụng T thống nhất với nội dung trình bày của chị Võ Thị N về thủ tục và thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì ngoài việc anh có ngoại tình với người khác vào năm 2018. Năm 2019, chị N đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó chị N tha thứ cho anh nên rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Kể từ thời gian đó cho đến nay, anh không còn quan hệ ngoại tình với ai khác, vợ chồng chung sống bình thường và không có mâu thuẫn gì, cũng không có việc vợ chồng xích mích và báo chính quyền địa phương giải quyết như chị N trình bày. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị N, xin đoàn tụ để vợ chồng chung sống với nhau nuôi dạy con nhỏ.

- Về con chung: có 01 con chung tên Mai Thiên S, sinh ngày 27/3/2009. Do anh không đồng ý ly hôn nên không trình bày hay yêu cầu gì về phần con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tuyên xử: - Về hôn nhân: chị Võ Thị N được ly hôn anh Mai Phụng T; về con chung: giao 01 con chung tên Mai Thiên S, sinh ngày 27/3/2009 cho chị N nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không giải quyết; về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: chị Võ Thị N và anh Mai Phụng T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 08/8/2008, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N, sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T ngoại tình với người khác không thể hòa giải được nữa nên chị N xin ly hôn. Anh T trình bày anh ngoại tình với người khác vào năm 2018, nhưng kể từ thời điểm chị N rút đơn xin ly hôn, anh không còn quan hệ ngoại tình với ai khác, vợ chồng chung sống bình thường và không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: năm 2019 chị N nộp đơn xin ly hôn với anh T, nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người khác. Sau đó, chị N tha thứ và rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống với nhau chị N lại nộp đơn xin ly hôn điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, để ổn định cuộc sống riêng của mỗi bên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị N ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thiên S, sinh ngày 27/3/2009. Ly hôn, chị N có nguyện vọng xin nuôi con còn anh T không đồng ý ly hôn nên không trình bày có yêu cầu nuôi con khi giải quyết ly hôn hay không. Xét việc nuôi dưỡng con cái là nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn, cháu S là con gái đang tuổi phát triển nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặc dù tại *đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu S trình bày*: *"con không muốn bố mẹ ly hôn nên có ly hôn con sẽ không theo ai"*, nên để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Mai Thiên S cho chị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn chị Võ Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị N được ly hôn anh Mai Phụng T.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Mai Thiên S, sinh ngày 27/3/2009 cho chị Võ Thị N nuôi dưỡng. Anh Mai Phụng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007918 ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã X, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nghĩa Phan Thị Oanh Lê Xuân Thu